

Quyết định giám đốc thẩm

Số: 12/2020/KDTM - GĐT

Ngày 26/9/2020

Về “*Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- **Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Long.

Các Thẩm phán: Ông Trương Minh Tuấn và ông Đặng Kim Nhân.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Hồng Nhạn – Thư ký Tòa án.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng** tham gia phiên tòa:
Ông Lê Phước Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án kinh doanh, thương mại “*Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền*” giữa:

1. Nguyên đơn: ông Nguyễn Văn V – Chủ Doanh nghiệp tư nhân Đ; địa chỉ: X đường H, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum.

2. Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại D; địa chỉ: Y đường T, quận C, thành phố Đà Nẵng.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Trương Văn T – sinh năm 1970, cư trú tại: thôn Th, xã Q, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

- Ông Nguyễn Ngọc H – sinh năm 1990; cư trú tại: X đường H, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 21/01/2019 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn V – Chủ Doanh nghiệp tư nhân Đ trình bày: ngày 06/6/2015, giữa ông Nguyễn Văn V – Chủ Doanh nghiệp tư nhân Đ (sau đây gọi tắt DNTN Đ) và Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại D (sau đây gọi tắt là Công ty D) ký Giấy nhận tiền có nội dung DNTN Đ giao cho Công ty D số tiền 456.000.000 đồng (quy đổi tương đương 20.000 USD) để Công ty D làm các thủ tục giấy tờ khai thác vàng sa khoáng tại suối Đắc Cải, bản Đắc Chăm, huyện Đắc Chung, tỉnh SêKong, nước CHDC Lào cho DNTN Đ, nếu không thực hiện được thì phải trả lại tiền. Thực hiện thỏa thuận, DNTN Đ đã giao cho Công ty D đủ số tiền trên thông qua ông Trương Văn T là nhân viên của Công ty D. Tuy nhiên, sau khi nhận tiền, Công ty D không làm được thủ tục cũng không trả lại tiền

cho DNTN Đ. Do đó DNTN Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty D phải trả lại số tiền 651.603.000 đồng, trong đó, tiền gốc là 456.000.000 đồng, tiền lãi là 195.603.000 đồng theo mức lãi suất 10%/năm tính từ ngày 07/6/2015 đến ngày 20/9/2019.

Đối với yêu cầu phản tố của Công ty D thì DNTN Đ không đồng ý với lý do hai địa điểm khai thác vàng hoàn toàn khác nhau và thực tế Công ty D chưa làm được thủ tục nên DNTN Đ chưa tiến hành khai thác vàng.

Bị đơn là Công ty TNHH thương mại D trình bày:

Thông nhất với lời khai của nguyên đơn về việc Công ty D nhận làm thủ tục khai thác vàng sa khoáng tại Lào cho DNTN Đ. Ông V đã đưa cho ông Trương Văn T số tiền 456.000.000 đồng tương đương 20.000 USD để chi phí đi lại trong quá trình khảo sát để cấp phép. Hai bên đã cùng đoàn khảo sát của Lào đến suối Đắc Cải, bản Đắc Chăm để khảo sát nhưng khi đến địa điểm khảo sát thì đoàn cán bộ Lào không đồng ý cấp phép tại đây nên đối với yêu cầu khởi kiện của DNTN Đ, Công ty đồng ý trả số tiền lại số tiền 20.000 USD nhưng không đồng ý trả lãi.

Do không xin khai thác được tại suối Đắc Cải nên hai bên đã bàn bạc và thống nhất chuyển qua khảo sát tại bản Tăng Noong, huyện Đắc Chung theo yêu cầu của ông V. Ngày 15/10/2015, Ông V và Công ty thống nhất ký Hợp đồng – Biên bản giao việc khai thác vàng sa khoáng tại suối Patin, bản Tăng Noong, huyện Đắc Chung diện tích khai thác là 6,5 ha, đơn giá 42.000 USD. Ông V đã thực hiện việc khai thác nhưng không thanh toán tiền, hiện nay DNTN Đ còn nợ Công ty 42.000 USD. Tại Đơn xin phản tố ngày 19/6/2019, công ty D đề nghị sau khi trừ số tiền 20.000 USD đã nhận để làm thủ tục tại suối Đắc Cải được xem như là tiền tạm ứng, còn lại 22.000 USD đề nghị DNTN Đ phải thanh toán.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Trương Văn T trình bày: ông là nhân viên của Công ty D, ngày 06/6/2015, ông được Công ty ủy quyền nhận số tiền 456.000.000 đồng từ DNTN Đ và đã giao lại đủ cho Công ty.

- Ông Nguyễn Ngọc H (con ông V) trình bày: thống nhất với yêu cầu của nguyên đơn.

- Tại Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 10/2019/KDTM-ST ngày 20/9/2019, Tòa án nhân dân quận C, thành phố Đà Nẵng quyết định:

Căn cứ Điều 280 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 306 Luật thương mại năm 2005, Điều 147; Điều 186; Điều 200; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về lệ phí, án phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn V – Chủ DNTN Đ đối với Công ty TNHH thương mại D về việc “*Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền*”.

Buộc Công ty TNHH thương mại D phải trả cho ông Nguyễn Văn V – Chủ DNTN Đ số tiền 651.603.000 đồng, trong đó tiền gốc là 456.000.000 đồng và tiền lãi 195.603.000 đồng.

Chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty TNHH thương mại D đối với ông Nguyễn Văn V – Chủ DNTN Đ về việc “Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền”

Buộc ông Nguyễn Văn V – Chủ DNTN Đ phải trả cho Công ty TNHH thương mại D số tiền 506.000.000 đồng

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 30/9/2019 và ngày 02/10/2019 ông Nguyễn Văn V – Chủ Doanh nghiệp tư nhân Đ và ông Nguyễn Văn H kháng cáo bản án sơ thẩm.

- Tại Quyết định kháng nghị số 04/QĐKNPT-VKS-KDTM ngày 14/10/2019, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng kháng nghị toàn bộ bản án sơ thẩm.

- Tại Bản án kinh doanh, thương mại phúc thẩm số 31/2019/KDTM-PT ngày 29/11/2019, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng quyết định:

Áp dụng Điều 5, Điều 200, điểm b khoản 1 Điều 203; Điều 293 và khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 13 Luật Doanh nghiệp; khoản 1 Điều 87; Điều 278 và Điều 353 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 12 Nghị quyết số 05/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012; khoản 1, khoản 4, khoản 5 Điều 26; khoản 1, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về lệ phí, án phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn V và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ngọc H. Không chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng. Sửa một phần bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn V – Chủ DNTN Đ đối với Công ty TNHH thương mại D. Buộc Công ty TNHH thương mại D phải trả cho ông Nguyễn Văn V – Chủ DNTN Đ số tiền 456.000.000 đồng.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn V – Chủ DNTN Đ đối với khoản tiền lãi chậm trả là 195.603.000 đồng.

3. Chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty TNHH thương mại D đối với ông Nguyễn Văn V – Chủ DNTN Đ. Buộc ông Nguyễn Văn V – Chủ DNTN Đ phải trả cho Công ty TNHH thương mại D số tiền 506.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án phúc thẩm còn quyết định về án phí, quyền và nghĩa vụ thi hành án.

- Ngày 23/12/2019, ông Nguyễn Văn V – Chủ Doanh nghiệp tư nhân Đ có đơn đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án phúc thẩm nêu trên.

- Tại Quyết định số 02/2020/KN-KDTM ngày 07/7/2020, Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm Bản án phúc thẩm nêu trên; đề nghị Ủy ban thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử giám đốc thẩm sửa Bản án kinh doanh, thương mại phúc thẩm nêu trên theo hướng buộc Công ty TNHH D hoàn trả cho ông Nguyễn Văn V – Chủ DNTN Đ số tiền 456.000.000 đồng cùng với tiền lãi chậm thanh toán và không chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty TNHH D.

- Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử giám đốc thẩm chấp nhận kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

* Đối với yêu cầu của DNTN Đ buộc Công ty D thanh toán số tiền gốc 456.000.000 đồng (tương đương 20.000 USD) theo Giấy nhận tiền ngày 06/6/2015 cùng tiền lãi:

- Về tiền gốc:

Tại Giấy nhận tiền ngày 06/6/2015 thể hiện ông Trương Văn T là nhân viên của Công ty D nhận của ông Nguyễn Văn V số tiền 20.000 USD để làm thủ tục, giấy tờ dự án khai thác vàng sa khoáng tại suối Đắc Cải, bản Đắc Chăm, huyện Đắc Chung, tỉnh SeKong, nước CHDC Lào, nếu thủ tục, giấy tờ không làm được sẽ hoàn trả lại cho Ông V số tiền trên. Sau này, các bên phát sinh tranh chấp, DNTN Đ đã khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Nam yêu cầu anh Trương Văn T trả lại số tiền đã nhận; Tòa án đã thụ lý vụ án vào ngày 19/01/2017. Tại Biên bản hòa giải ngày 17/7/2017, ông Nguyễn Văn D – Giám đốc Công ty D thừa nhận anh T có nhận của Ông V số tiền nêu trên nhưng anh T chỉ là nhân viên của Công ty, sau khi nhận tiền, anh T đã giao lại đủ cho Công ty và trách nhiệm làm thủ tục, giấy tờ khai thác khoáng sản là của Công ty, không phải của cá nhân anh T nên đề nghị DNTN Đ liên hệ với Công ty để giải quyết. Sau đó, hai bên không giải quyết được tranh chấp nên ngày 19/01/2019, DNTN Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân quận C buộc Công ty D phải trả 20.000 USD.

Xét nội dung Giấy nhận tiền trên, nhận thấy mặc dù trong Giấy nhận tiền ghi số tiền giao dịch là 20.000 USD nhưng các bên đều thừa nhận thực tế giao nhận bằng tiền Việt Nam đồng nhưng quy ra USD để đảm bảo giá trị; như vậy, các bên không giao dịch bằng USD nên không vi phạm điều cấm của pháp luật.

Căn cứ vào Giấy nhận tiền ngày 06/6/2015 và Biên bản hòa giải ngày 17/7/2017, có cơ sở khẳng định Công ty D đã nhận của DNTN Đ số tiền 456.000.000 đồng (quy ra bằng 20.000 USD) để làm thủ tục cho DNTN Đ được quyền khai thác vàng tại suối Đắc Cải.

Đồng thời, tại Tờ trình ngày 17/6/2019 gửi Tòa án nhân dân quận C, trong đó có thể hiện nội dung ông D thừa nhận chính quyền huyện Đắc Chung không đồng ý cấp phép khai thác vàng tại suối Đắc Cải; như vậy, Công ty D đã xác định không làm được thủ tục cho DNTN Đ khai thác tại suối Đắc Cải như đã thỏa thuận. Tại Giấy nhận tiền ngày 06/6/2015, hai bên thống nhất nếu không làm được thủ tục, công ty D sẽ trả lại số tiền đã nhận; do đó DNTN Đ khởi kiện yêu cầu Công ty D phải trả lại số tiền đã nhận là có cơ sở.

Đối với việc ông D cho rằng hai bên thỏa thuận chuyển số tiền này sang làm thủ tục khai thác tại suối Patin, xét thấy ông D không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho lời khai này của ông, trong khi đó Ông V không thừa nhận; mặt khác, tại Giấy giao việc ngày 15/10/2015 chỉ thể hiện chi phí khai thác tại suối Patin là 42.000

USD, không có nội dung nào thể hiện chuyển số tiền 20.000 USD đã nhận từ dự án tại suối Đắc Cải qua, cho nên lời khai trên của ông D là không có căn cứ.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm buộc Công ty D phải trả cho DNTN Đ 456.000.000 đồng là có cơ sở.

- Về tiền lãi:

Theo sự thừa nhận của ông D là không làm được giấy phép tại suối Đắc Cải, từ đó hai bên chuyển qua khai thác tại suối Patin theo Giấy giao việc ngày 15/10/2015, như vậy kể từ ngày 15/10/2015 được xác định là thời điểm để tính lãi đối với số tiền 456.000.000 đồng theo mức lãi suất pháp luật quy định. Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu trả lãi của DNTN Đ là không thỏa đáng, kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị sửa án phúc thẩm, chấp nhận yêu cầu tiền lãi là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Do hai bên không thỏa thuận về mức lãi suất, tại đơn khởi kiện DNTN Đ yêu cầu trả lãi theo mức lãi suất 10%/năm là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS, thời gian tính lãi là từ ngày 15/10/2015 đến ngày xét xử giám đốc thẩm là ngày 26/9/2020 là 04 năm 11 tháng 11 ngày, số tiền lãi Công ty D phải trả là:

$Lãi = (456.000.000đ \times 10\%/năm \times 4 \text{ năm}) + (456.000.000đ \times 10\%/12 \text{ tháng} \times 11 \text{ tháng}) + (456.000.000đ \times 10\%/365 \text{ ngày} \times 11 \text{ ngày}) = 182.400.000 \text{ đồng} + 41.800.000 \text{ đồng} + 1.374.246 \text{ đồng} = 225.574.246 \text{ đồng}.$

Như vậy, tổng số tiền gốc và lãi Công ty D phải trả cho DNTN Đ là 456.000.000 đồng (gốc) + 225.574.246 đồng (lãi) = 681.574.246 đồng.

* Đối với yêu cầu phản tố của Công ty D:

Xét Đơn xin phản tố ngày 19/6/2019, cho thấy Công ty D xác định DNTN Đ còn nợ 42.000 USD và có yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn về số tiền này để bù trừ số tiền 20.000 USD nêu trên, còn lại 22.000 USD thì DNTN Đ phải trả cho Công ty.

Theo Giấy giao việc ngày 15/10/2015 giữa Công ty D và DNTN Đ, có nội dung “*Căn cứ Quyết định số.../BKS ngày .../.../2015 của Chủ tịch UBND huyện Đắc Chung về việc cho phép Công ty D được phép thăm dò và khai thác khoáng sản vàng sa khoáng tại khu vực suối Patin*”, thì trong đó không thể hiện số, ngày, tháng ban hành Quyết định, không xác định Quyết định nào; cũng như đối với các tài liệu khác do Công ty D cung cấp như: “*Nghị quyết của cuộc họp của Ban thường vụ huyện ủy Đắc Chung, tỉnh SeKong, nước Lào tháng 5/2015*”; “*Quyết định số 379/CĐ ngày 11/6/2015 của Chủ tịch huyện Đắc Chung, Hợp đồng 04/VCH được ký giữa Văn phòng chính quyền huyện Đắc Chung với Công ty D...*”, thì Công ty D được UBND huyện Đắc Chung, tỉnh SeKong, nước CHDC Lào giao thi công công trình công cộng, khai hoang đất ruộng, phục vụ kinh tế của huyện và đối ứng kinh phí bằng hình thức khai thác tài nguyên, vàng sa khoáng trong địa bàn huyện mà không có nội dung nào cho thấy Công ty D đã được cấp phép khai thác vàng tại suối Patin.

Đồng thời, tại Điều 1, Điều 2, Điều 3 Mục III của Giấy giao việc quy định bên A (ông Nguyễn Văn D - giám đốc Công ty D) chịu trách nhiệm làm thủ tục, giấy tờ, hồ sơ

hợp pháp cho bên B (DNTN Đ) đi vào khai thác, sau khi làm xong thủ tục, bên A làm thủ tục bàn giao khu vực mỏ cho bên B và chịu trách nhiệm nộp tất cả các loại thuế, tiền thuê đất, khi chuyển giao cho bên B; nhưng quá trình giải quyết vụ án, Công ty D không cung cấp được bất kỳ tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh: việc hoàn tất thủ tục, giấy tờ, hồ sơ hợp pháp cho DNTN Đ được phép khai thác vàng, việc bàn giao mỏ trên thực địa cho DNTN Đ, cũng như việc nộp thuế, tiền thuê đất,... để đảm bảo việc khai thác hợp pháp của DNTN Đ. Từ đó, việc Ông V và con trai Ông V là ông Hùng trình bày đã đưa máy móc vào khu vực mỏ nhưng không khai thác được vì chưa đủ thủ tục pháp lý là có cơ sở.

Như vậy, mặc dù hai bên ký Giấy giao việc về việc Công ty D chuyển giao quyền khai thác vàng cho DNTN Đ nhưng thực tế Công ty Dững Phát Vinh không thực hiện được các nội dung theo thỏa thuận tại các điều, khoản của Giấy giao việc nêu trên nên DNTN Đ không có nghĩa vụ phải trả chi phí. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm buộc DNTN Đ phải trả Công ty D số tiền 506.000.000 đồng (tương đương 22.000 USD) là không có cơ sở. Kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận, sửa bản án phúc thẩm, không chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty D đòi DNTN Đ trả số tiền 506.000.000 đồng.

* Về án phí:

- Án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn V - DNTN Đ không phải chịu án phí sơ thẩm.

Công ty D phải chịu án phí đối với số tiền của DNTN Đ được chấp nhận 681.574.246 đồng là 20.000.000 đồng + 4% (681.574.246 – 400.000.000) = 31.262.969 đồng và tiền án phí đối với yêu cầu bị bác 506.000.000 đồng là 20.000.000 đồng + 4% (506.000.000 – 400.000.000) = 24.240.000 đồng, tổng cộng là 55.502.969 đồng.

- Án phí kinh doanh, thương mại phúc thẩm: do sửa án phúc thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên Ông V và ông Hùng không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 337; khoản 5 Điều 343; Điều 347 và Điều 349 Bộ luật tố tụng dân sự, quyết định:

Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 02/2020/KN-KDTM ngày 07/7/2020 của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng; sửa Bản án kinh doanh, thương mại phúc thẩm số 31/2019/KDTM-PT ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, cụ thể như sau:

Áp dụng Điều 280; Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.1 Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn V - Chủ Doanh nghiệp tư nhân Đ, buộc Công ty TNHH thương mại D phải thanh toán cho ông Nguyễn Văn V –

Chủ DNTN Đ số tiền 681.574.246 đồng, trong đó: 456.000.000 đồng tiền gốc và 225.574.246 đồng tiền lãi.

1.2 Không chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty TNHH thương mại D về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn V – Chủ DNTN Đ phải trả số tiền 506.000.000 đồng.

1.3 Về án phí:

- Ông Nguyễn Văn V - Chủ DNTN Đ không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, hoàn trả cho ông Nguyễn Văn V – Chủ DNTN Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 14.236.000 đồng theo biên lai thu số 0005663 ngày 26/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận C, thành phố Đà Nẵng.

- Công ty TNHH thương mại D phải chịu 55.502.969 đồng tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 12.120.000 đồng theo biên lai số 0000570 ngày 20/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận C, thành phố Đà Nẵng nên còn phải nộp tiếp 43.382.969 đồng.

- Ông Nguyễn Văn V - Chủ DNTN Đ không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, hoàn trả cho Ông V số tiền tạm ứng án phí 2.000.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu số 754 ngày 01/10/2019 và Biên lai thu số 793 ngày 05/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận C, thành phố Đà Nẵng.

- Ông Nguyễn Ngọc H không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, hoàn trả cho ông Hùng số tiền tạm ứng án phí 2.000.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu số 764 ngày 07/10/2019 và Biên lai thu số 794 ngày 05/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận C, thành phố Đà Nẵng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày Hội đồng giám đốc thẩm ra Quyết định.

Nơi nhận:

- Vụ Pháp chế và quản lý khoa học TANDTC ;
- Viện trưởng VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- TAND quận C, thành phố Đà Nẵng ;
- Chi cục THA dân sự quận C, thành phố Đà Nẵng ;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Phòng lưu trữ (VP); Phòng Giám đốc kiểm tra về DS -LĐ - KDTM và hồ sơ vụ án.

**TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Long

